

Bản án số: 570/2026/DS-PT

Ngày: 24 - 8 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay, đòi
lại tài sản và bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền;

Ông Phan Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/TB-TLVA ngày 07 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 524/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn S; sinh ngày: 01/01/1970.

Căn cước số: 096070010563; cấp ngày: 09/07/2024; nơi cấp: Bộ C2.

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thị Hạnh E, sinh ngày: 10/10/1970.

Căn cước công dân số: 096170007397; cấp ngày: 10/05/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà E: Ông Hồ Văn K, sinh ngày: 15/08/1983; Căn cước công dân số: 096083015019; cấp ngày: 26/08/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp H, xã C, tỉnh Cà Mau (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2025 và 08/8/2025) (có đơn yêu cầu xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh ngày: 16/08/1981.

Căn cước công dân số: 036081015689; cấp ngày: 13/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số A, đường L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (nay là: Số A, đường L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- Do có kháng cáo của: Ông Trần Ngọc C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn K trình bày bổ sung tại phiên tòa như sau: Vào ngày 03/9/2022, ông S và bà E có cho ông Trần Ngọc C mượn số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 năm kể từ ngày 03/9/2022 đến ngày 03/9/2023, khi mượn ông C có làm biên nhận do ông C viết và ký tên. Tuy nhiên, từ khi mượn đến nay ông C không trả tiền. Nay ông S và bà E khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày 03/9/2023 đến ngày 07/11/2025 là 43.333.000 đồng, tổng vốn và lãi là 143.333.000 đồng và tính lãi đến ngày xét xử. Đối với yêu cầu phản tố của ông C, yêu cầu ông S thanh toán số tiền 109.000.000 đồng ông S không đồng ý vì theo ông S xác định là không có sự việc thiếu tiền như ông C trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu lãi suất từ 20% xuống 10%/năm từ ngày đến hạn trả (03/9/2023) đến ngày xét xử là 02 năm 08 tháng 23 ngày với số tiền 27.305.000 đồng, đồng ý đối trừ 02 tháng lãi mà ông S và bà Hạnh E đã nhận với số tiền 6.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông C trả tổng cộng 121.305.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng tiền vốn và 21.305.000 đồng tiền lãi.

Ông Trần Ngọc C là bị đơn trình bày: Ngày 03/9/2022 tôi có mượn của ông S 100.000.000 đồng, không lãi suất như biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Sau khi vay tôi có căn trừ trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho ông S và bà Hạnh E, đã trả được tổng cộng 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng tôi chưa thanh toán cho ông S với lý do như sau: Trước đây ông S có làm nhân viên lái xe cho tôi, vào khoảng năm 2023 – 2024, quá trình điều khiển xe ông S đã có hành vi vi phạm pháp luật giao thông nhiều lần nên bị phạt, bồi thường cho bị hại, phương tiện bị hư hỏng, bị tạm giữ và tôi phải thuê xe khác để sử dụng, chi phí thiệt hại do ông S gây ra cho tôi tổng số tiền là 109.000.000 đồng, cụ thể:

- Thuê xe 10 ngày số tiền 20.000.000 đồng.
- Chuyến đi N - Bình Định gây tai nạn làm xe hư hỏng phải sửa chữa là 10.000.000 đồng.
- Chuyến đi Đ - Đ gây tai nạn làm hư hỏng xe phải sửa chữa 7.000.000 đồng.
- Chuyến đi S - Cà Mau gây tai nạn làm hư hỏng xe phải sửa chữa 7.000.000 đồng.
- Chuyến Đ – Bà Rịa gây tai nạn bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng.

- Vi phạm chạy quá tốc độ bị phạt 5.000.000 đồng.
- Xe không hoạt động được do vi phạm giao thông trong 10 ngày của 04 xe bằng 20.000.000 đồng.

Nay ông S khởi kiện tôi số tiền tôi vay 100.000.000 đồng thì tôi yêu cầu ông S phải trả lại cho tôi số tiền 109.000.000 đồng trên. Sau khi cân trừ, tôi yêu cầu ông S phải trả lại cho tôi số tiền 59.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S và bà Trần Thị Hạnh E. Buộc ông Trần Ngọc C trả cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị Hạnh E số tiền 121.305.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 21.305.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C1 về việc buộc ông Trần Văn S trả tiền đóng phạt, bồi thường cho bị hại và bồi thường thiệt hại cho ông C1 số tiền 109.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09/6/2026 ông Trần Ngọc C là bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc yêu cầu ông S phải trả lại số tiền 109.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trần Ngọc C xin rút yêu cầu phản tố và rút kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 143/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc C, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Ngọc C là bị đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Ông Hồ Văn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có đơn yêu cầu xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt ông Hồ Văn K theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Ngọc C tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu ông Trần Văn S trả tiền phạt, tiền bồi thường cho bị hại và bồi thường thiệt hại, tổng cộng 109.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S, bà Trần Thị Hạnh E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên được xác định đã tự nguyện từ bỏ quyền tham gia phiên tòa, trong đó có quyền trình bày ý kiến đối với việc ông C rút yêu cầu phản tố. Việc rút yêu cầu phản tố là tự nguyện, không làm phát sinh nghĩa vụ bất lợi đối với nguyên đơn và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, không cần thiết phải hỏi ý kiến của nguyên đơn; chấp nhận việc ông C rút yêu cầu phản tố, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông C.

[4] Ông Trần Ngọc C đồng thời tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo không bị ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông C. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị hủy có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm: Ông Trần Ngọc C phải chịu theo bản án sơ thẩm. Ông Trần Văn S và bà Trần Thị Hạnh E không phải chịu, được nhận lại số tiền đã dự nộp.

Án phí phúc thẩm: Ông C phải chịu 150.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 289; Điều 299; khoản 3 Điều 308; Điều 311 và Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc ông Trần Ngọc C rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Ngọc C đối với ông Trần Văn S về yêu cầu trả tiền phạt, tiền bồi thường cho người bị hại và bồi thường thiệt hại, tổng cộng 109.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố nêu trên của ông Trần Ngọc C.

2. Chấp nhận việc ông Trần Ngọc C rút toàn bộ kháng cáo.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc C.

Các phần còn lại của Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau không bị hủy có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Về án phí dân sự

3.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Trần Ngọc C phải chịu 11.515.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 2.725.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003134 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; ông C còn phải nộp 8.790.000 đồng.

Ông Trần Văn S và bà Trần Thị Hạnh E không phải chịu, ngày 30/9/2025 ông S và bà E đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.458.500 đồng, theo biên lai số 0000644 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

3.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Ngọc C phải chịu 150.000 đồng, ngày 09/6/2026 ông Trần Ngọc C đã nộp tạm ứng 300.000 đồng, theo biên lai số 0007572 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau, được hoàn lại 150.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền

Phan Thanh Hải

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh